TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG** Bản án số: 37/2022/DS-PT Ngày: 07-3-2022 V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Khương.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Phụng.

Bà Trương Tố Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 07-3-2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2021/TLPT-DS ngày 03-11-2021 về việc tranh chấp hợp đồng đặt cọc.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2021/DS-ST ngày 29-9-2021 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 215/2021/QĐ-PT ngày 20-12-2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn LE (Nguyễn Văn L), sinh năm 1989, địa chỉ: Ấp PBA, xã VPĐ, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Ngọc N, sinh năm 1989, địa chỉ: Ấp XM2, thị trấn PL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng; là người đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 05-01-2021 (vắng mặt).

- *Bị đơn*:

+ Ông Phạm Vũ P, sinh năm 1981 (có mặt);

+ Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1987 (vắng mặt),

Cùng địa chỉ: Ấp HM, xã TT, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Thái Văn B, sinh năm 1978, địa chỉ: Ấp 19, xã Vĩnh Thành, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Ông Đoàn Công Ng, địa chỉ: Ấp HM, xã TT, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

+ Ông Đoàn Công H, địa chỉ: Ấp HM, xã TT, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Vũ P, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05-01-2021 của ông Nguyễn Văn LE và trình bày của bà Phạm Ngọc N:

Ngày 10-8-2020, ông E thỏa thuận mua lúa với ông P, số lượng 100 công, loại lúa OM18, lúa tươi, giá 5.500 đồng/kg. Việc thỏa thuận có làm Hợp đồng mua bán lúa, ngày ký hợp đồng ông E đặt tiền cọc là 30.000.000 đồng. Các bên thống nhất thỏa thuận đến ngày cân lúa ông E không đến cân lúa thì sẽ bị mất tiền cọc, nếu ông P không chịu cắt lúa và không giao lúa đủ số lượng thì ông P phải bồi thường tiền cọc gấp đôi. Đến khi thu hoạch, ông P không giao lúa theo thỏa thuận mà lại bán lúa cho ông B. Ông E yêu cầu buộc vợ chồng ông P, bà Th có trách nhiệm liên đới trả 60.000.000 đồng, trong đó tiền đặt cọc 30.000.000 đồng và tiền phạt cọc là 30.000.000 đồng.

- Theo trình bày của ông Phạm Vũ P:

Ông P có hợp đồng bán lúa với ông E, ký hợp đồng ngày 10-8-2020 và nhận 30.000.000 đồng tiền cọc của ông E. Sau đó ông P bán lại hợp đồng cho ông B, đến vụ thu hoạch ông B đã giao lúa cho ông E số lượng 100 công đất nên ông P không vi phạm hợp đồng như ông E trình bày. Số tiền cọc đã nhờ B thông qua ông Đoàn Công Ng giao trả cho ông LE là 15.000.000 đồng, còn nợ 15.000.000 đồng nên ông P đồng ý trả số tiền còn nợ cho ông LE.

- Bà Nguyễn Thị Th vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

- Theo trình bày của ông Thái Văn B:

Ông P có ký hợp đồng mua bán lúa và nhận cọc của ông LE, ông B là người đứng ra quản lý diện tích đất của Phương đã hợp đồng và giao lúa cho ông E thay ông P. Số lượng giao 100 công nhưng do lúa mất mùa nên sản lượng không cao, lúa được giao chung khi thực hiện hợp đồng giữa ông B và ông LE là khoảng 130 tấn. Về 15.000.000 đồng trả tiền cọc, ông B có nhận của ông P nhờ giao trả ông LE nhưng ông bận công việc nên đã nhờ ông Đoàn Công Ng giao trả cho ông LE.

- Tại bản án sơ thẩm số 61/2021/DS-ST ngày 29-9-2021 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

“Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng: Điều 328 Bộ luật Dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng đặt cọc đối với bị đơn ông Phạm Vũ P, Nguyễn Thị Th. Buộc ông Phạm Vũ P, bà Nguyễn Thị Th liên đới trả cho ông Nguyễn Văn LE số tiền 45.000.000 đồng, gồm tiền cọc 15.000.000 đồng và bồi thường cọc 30.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Phạm Vũ P, bà Nguyễn Thị Th phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 2.250.000 đồng.

Nguyên đơn được hoàn lại tiền tạm ứng án phí là 1.500.000 đồng theo biên lai thu số 0008265 ngày 26-01-2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.”

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 14-10-2021, của ông Phạm Vũ P kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu bồi thường tiền cọc của ông Nguyễn Văn LE vì cho rằng không vi phạm hợp đồng đã ký kết.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện và bị đơn không rút đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Vũ P và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự để giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của ông Phạm Vũ P phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Phạm Ngọc N, bị đơn là bà Nguyễn Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[3] Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và thừa nhận của ông Phạm Vũ P, đủ cơ sở xác định vào ngày 10-8-2020, ông P có ký hợp đồng mua bán lúa với ông Nguyễn Văn LE với nội dung ông P bán cho ông E số lúa tươi trên diện tích đất 100 công, loại lúa OM18, giá 5.500 đồng/kg và ông E đã giao cho ông P 30.000.000 đồng để đặt cọc đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng. Do bà Nguyễn Thị Th không phản đối các nội dung này nên Hội đồng xét xử xác định đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét kháng cáo của ông Phạm Vũ P, thì thấy:

[4.1] Theo hợp đồng mua bán lúa lập ngày 10-8-2020 thì hai bên thỏa thuận nếu ông P không cắt và cân lúa cho ông E thì ông P phải bồi thường gấp đôi tiền cọc. Sau đó ông P bán lại hợp đồng cho ông B và khi đến vụ thu hoạch, ông P không giao lúa cho ông E là vi phạm thỏa thuận do đã từ chối việc thực hiện hợp đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 328 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4.2] Ông P cho rằng đã bán hợp đồng trên lại cho ông B, đến vụ thu hoạch ông B đã giao lúa cho ông E theo đúng nội dung đã được ông P thỏa thuận nên ông P không vi phạm hợp đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng ý kiến này không có cơ sở chấp nhận vì không được ông E thừa nhận và theo khoản 1 Điều 370 của Bộ luật trên thì "Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý", nhưng quá trình giải quyết vụ án, ông P không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh ông E đồng ý ông B thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng này thay cho ông P.

[5] Vì vậy, sau khi trừ 15.000.000 đồng tiền cọc mà ông P đã trả ông E, án sơ thẩm buộc ông P trả cho ông E 15.000.000 đồng tiền cọc còn lại và 30.000.000 đồng tiền bồi thường cọc là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi kháng cáo, ông P cũng không cung cấp được chứng cứ gì khác nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông P.

[6] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự để giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Do án sơ thẩm được giữ nguyên nên ông Phạm Vũ P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ

luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Vũ P.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2021/DS-ST ngày 29-9-2021 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng như sau:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng đặt cọc đối với bị đơn ông Phạm Vũ P, Nguyễn Thị Th. Buộc ông Phạm Vũ P, bà Nguyễn Thị Th liên đới trả cho ông Nguyễn Văn LE số tiền 45.000.000 đồng, gồm tiền cọc 15.000.000 đồng và bồi thường cọc 30.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Về án phí:

Ông Phạm Vũ P, bà Nguyễn Thị Th phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 2.250.000 đồng.

Nguyên đơn được hoàn lại tiền tạm ứng án phí là 1.500.000 đồng theo biên lai thu số 0008265 ngày 26-01-2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Phạm Vũ P phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001159 ngày 18-10-2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng; ông Phạm Vũ P đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu

thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND huyện Thạnh Trị;
- VKSND T. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vĩnh Khương